

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân Thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: H.T.Q.Ng

Sinh năm: 1977

Địa chỉ: 33 Đường số 28 khu dân cư D Phường S Thành phố T tỉnh L.

- Bị đơn: Ông P.T.T

Sinh năm: 1970

Địa chỉ: 33 Đường số 28 khu dân cư D Phường S Thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà H.T.Q.Ng trình bày: Do người quen giới thiệu, bà đồng ý kết hôn với ông P.T.T dù không có tình cảm. Ngay từ những ngày đầu chung sống, vợ chồng không hòa hợp. Ông T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu và khi say thì thường kiếm cớ để đánh bà, thậm chí, đe dọa đến tính mạng của bà. Thời gian

đầu, vì thương con, bà cố gắng chịu đựng với hy vọng ông T sẽ thay đổi, nhưng chẳng những ông không thay đổi, mà ngày càng tệ hơn. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung, bà và ông T có hai người con chung, tên là P.H.T.T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 và P.H.T.N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi Tuệ Nhi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ông P.T.T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Ông P.T.T cũng không tham gia phiên tòa ngày 26 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa, ông T cũng đã vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông P.T.T và bà H.T.Q.Ng là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, ông T không quan tâm đến gia đình, thường uống rượu, khi say thì có hành vi bạo lực đối với bà Ng, dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà H.T.Q.Ng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.T.T. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân Thành phố T đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố T đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân Thành phố T đưa vụ án ra xét xử, ông P.T.T vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 26 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa, ông P.T.T cũng đã vắng mặt. Bà H.T.Q.Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Ng và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1997 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông T không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ bỏ mặc. Điều này cho thấy khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như không thể giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Ng, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có hai người con chung, tên là P.H.T.T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1999 và P.H.T.N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014. T.T đã thành niên; bà Ng có nguyện vọng trực tiếp nuôi T.N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà Ng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà H.T.Q.Ng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.T.Q.Ng đối với ông P.T.T.

Sau khi ly hôn, bà H.T.Q.Ng là người trực tiếp nuôi con chung, tên là P.H.T.N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2014. Ông P.T.T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P.T.T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà H.T.Q.Ng chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0004382 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo